CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cán thép Thái Trung

Ngày 30/06/2025	4,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**7.5%**	**2.4%**

DT thuần
Q2/25
1,582
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 36.0| 2.3%
YoY: ▲ 177| 12.6%

LN thuần
Q2/25
1.73
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.95| 122%
YoY: ▼4.42| -71.8%

LN sau thuế
Q2/25
1.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.50| 87.5%
YoY: ▼4.32| -80.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
0.4%
YoY: +/-▼ 0.0%

ROE (TTM)
Q2/25
1.0%
YoY: +/-▼ 1.4%

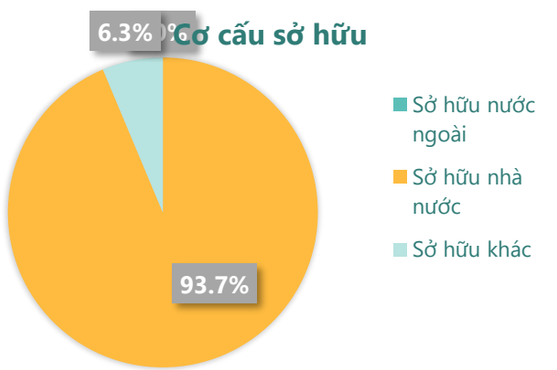
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,600 - 8,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	218
Số lượng CPLH (CP)	50,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.09
EPS	58
P/E	74.7

DT thuần
6T 2025
3,128
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 508| 19.4%

LN thuần
6T 2025
2.51
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.39| -78.9%

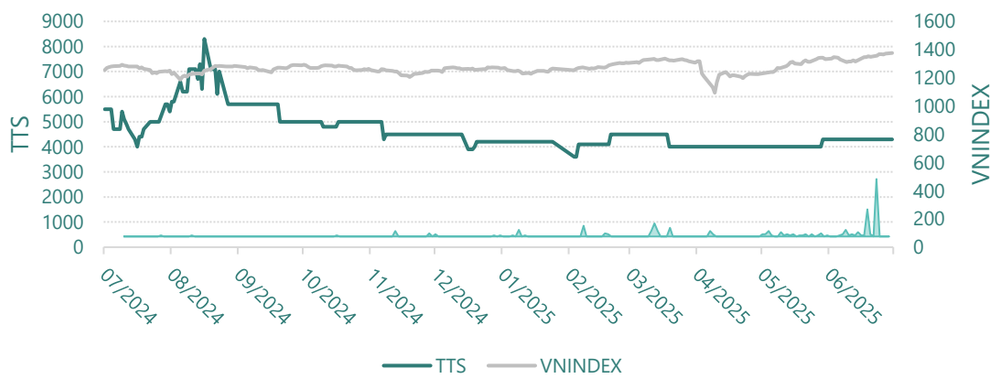
LN sau thuế
6T 2025
1.64
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.30| -83.5%

Cơ cấu sở hữu

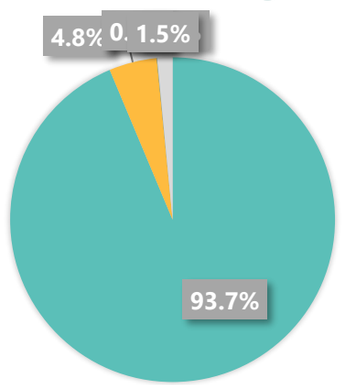


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



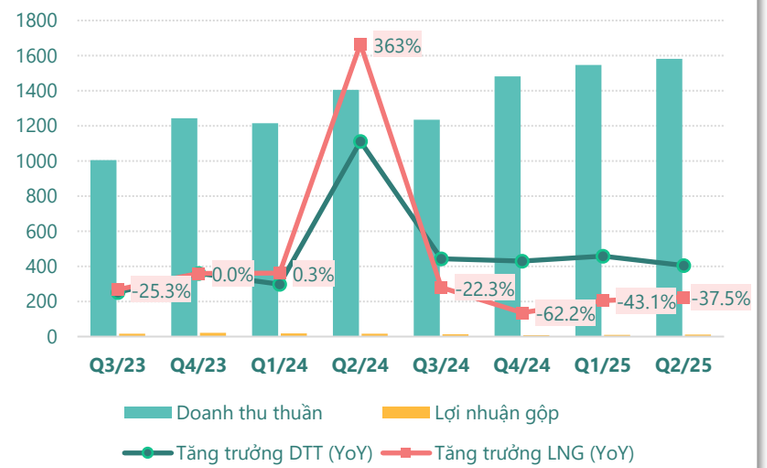
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

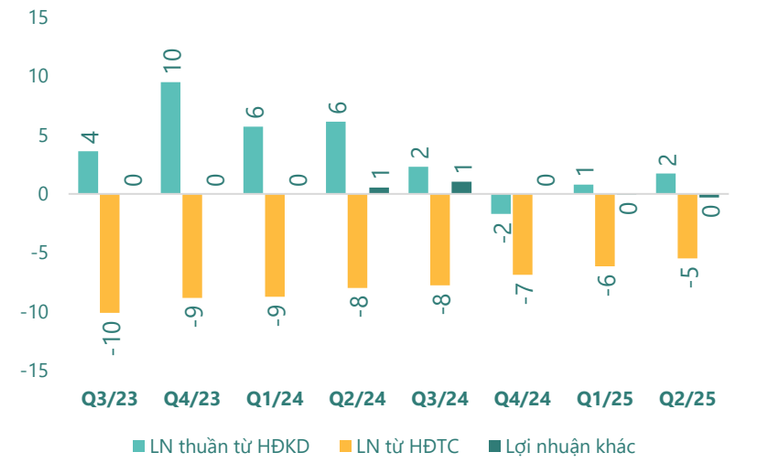
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



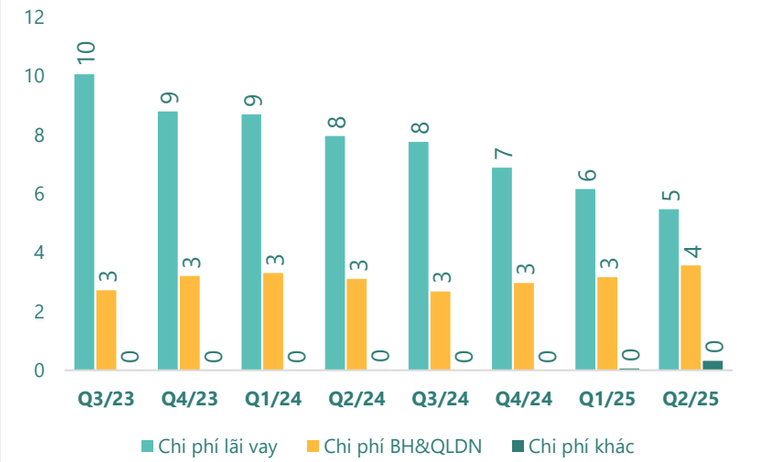
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



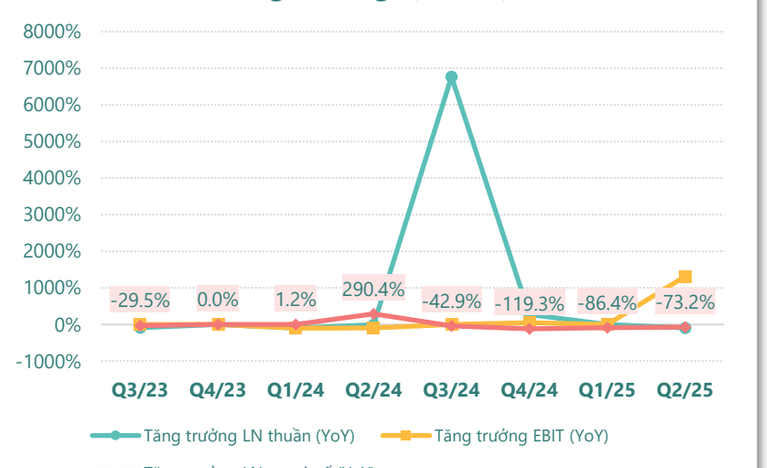
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



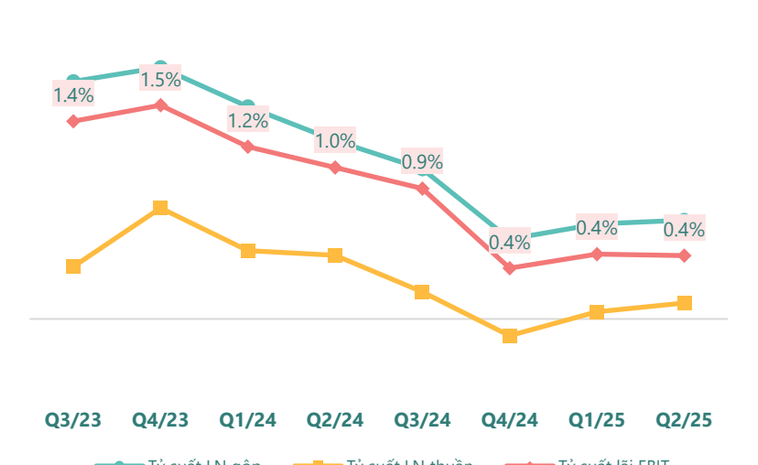
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



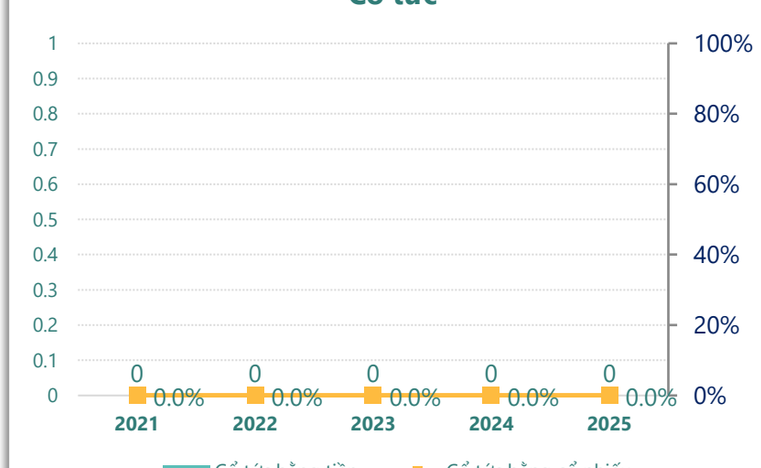
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

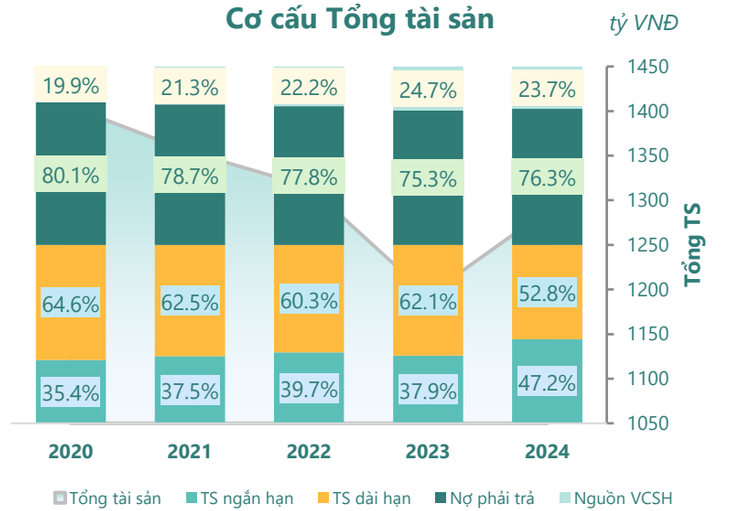
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

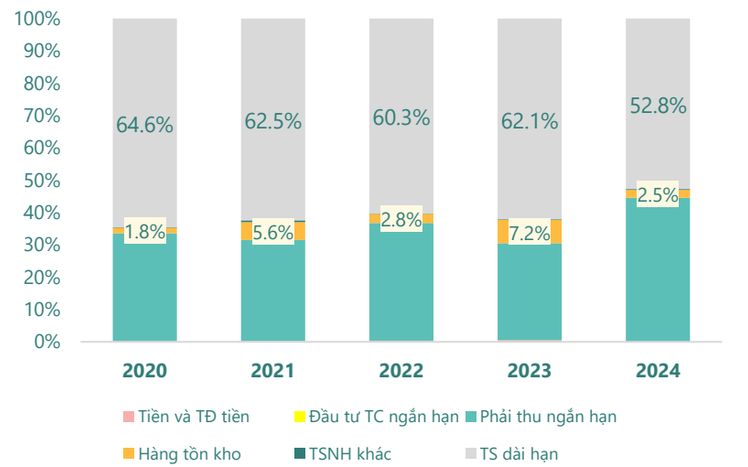
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



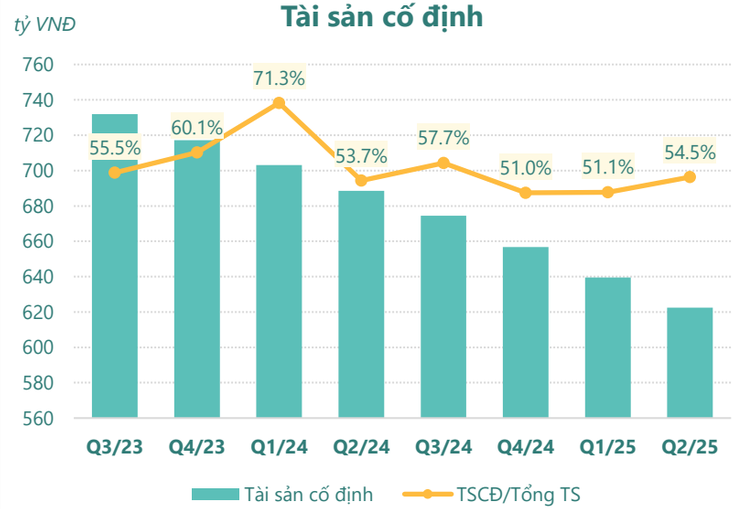
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



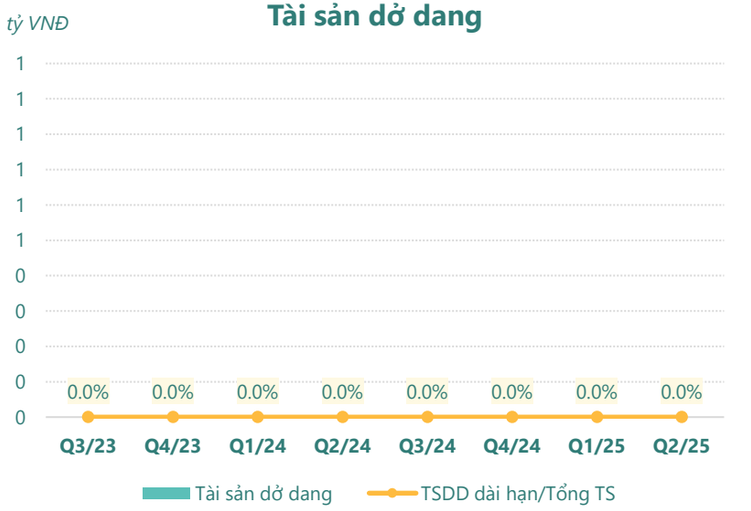
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



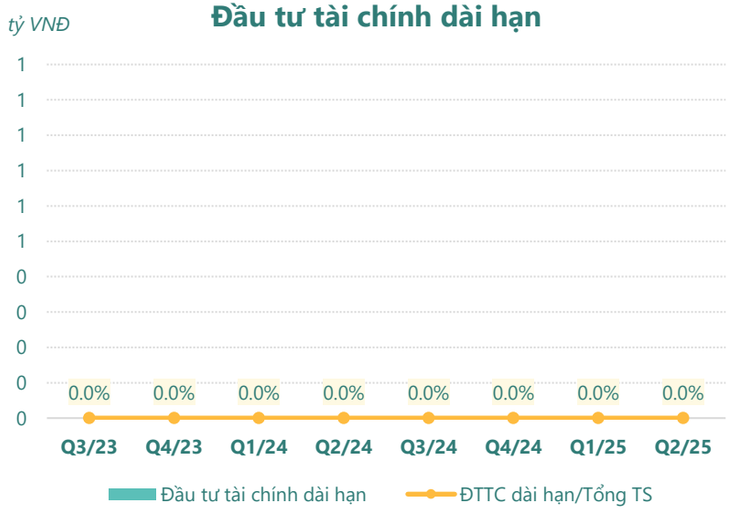
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



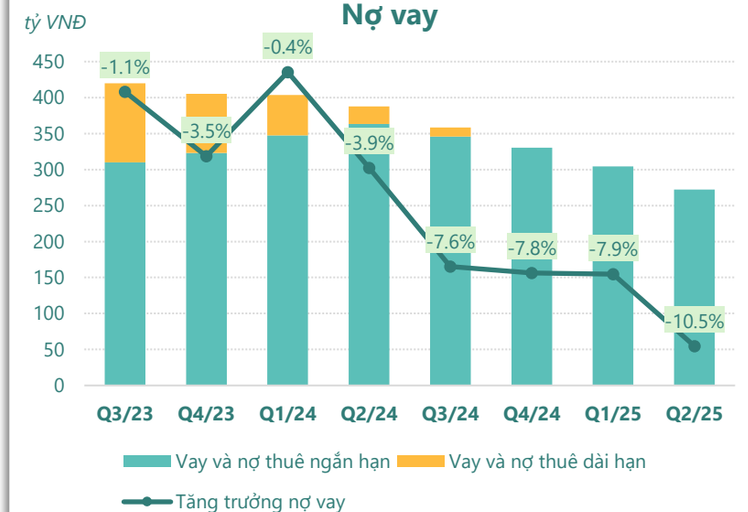
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

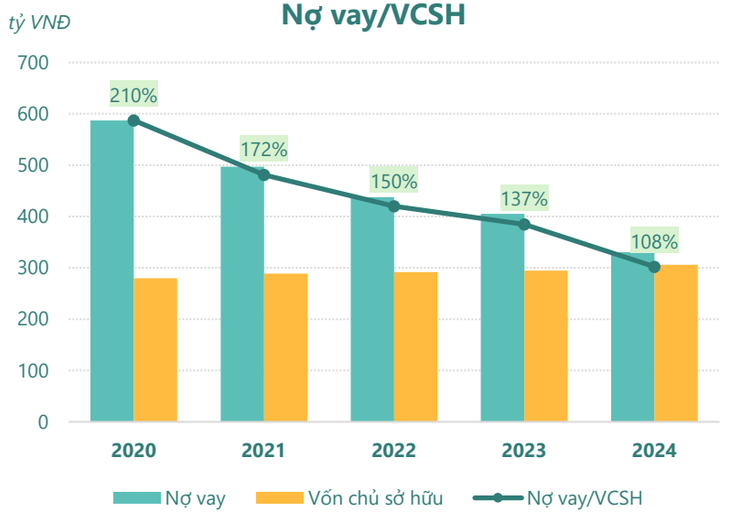
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



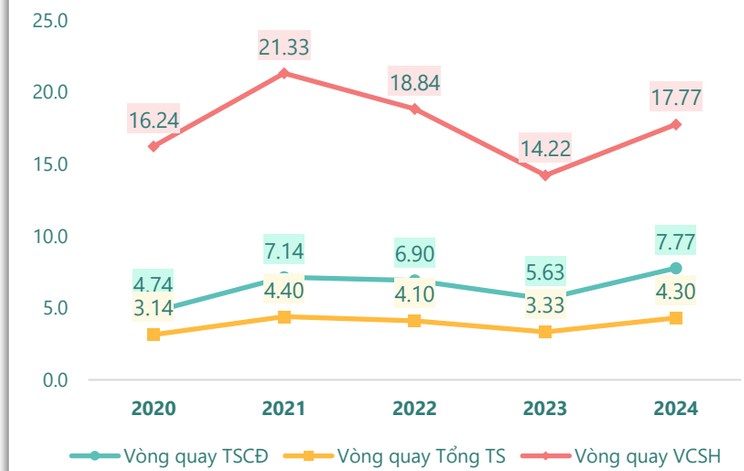
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



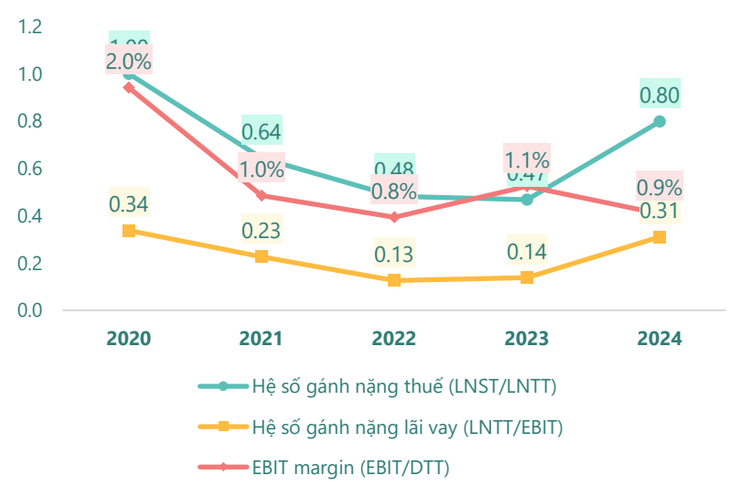
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



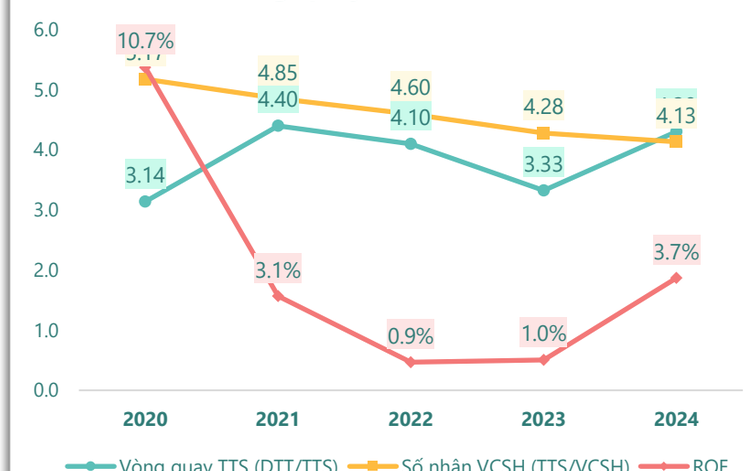
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



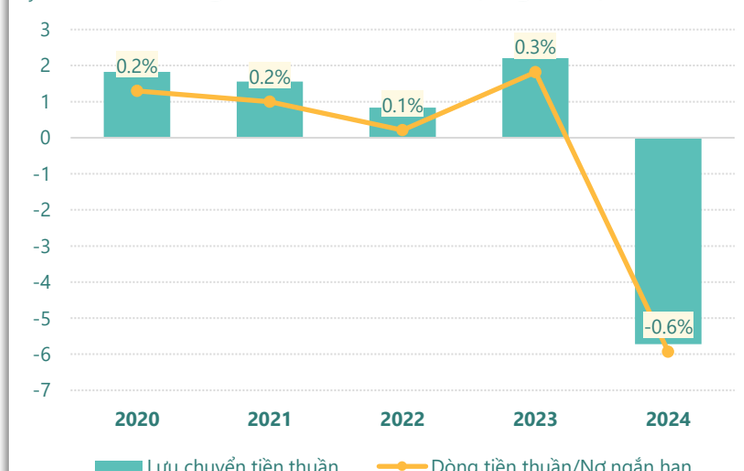
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,582**	**1,405**	**12.6%**	**3,128**	**2,620**	**19.4%**
Giá vốn hàng bán	1,571	1,387	13.2%	3,107	2,585	20.2%
Lợi nhuận gộp	10.8	17.3	-37.7%	20.9	35.0	-40.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-49.2%
Chi phí TC	5.48	8.00	-31.5%	11.6	16.7	-30.4%
Chi phí lãi vay	5.48	7.97	-31.2%	11.6	16.7	-30.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.06	0.06	1.4%	0.14	0.12	23.5%
Chi phí QLDN	**3.50**	**3.05**	**14.9%**	**6.59**	**6.30**	**4.6%**
LN thuần từ HĐKD	1.73	6.15	-71.8%	2.51	11.9	-78.9%
Lợi nhuận khác	**-0.31**	**0.55**	**-156%**	**-0.36**	**0.55**	**-165%**
LN trước thuế	1.42	6.70	-78.8%	2.15	12.4	-82.7%
Lợi nhuận sau thuế	**1.07**	**5.39**	**-80.2%**	**1.64**	**9.94**	**-83.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.07**	**5.39**	**-80.2%**	**1.64**	**9.94**	**-83.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.72	17.6	28.0	28.3	25.3	32.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	-0.61
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.56	-15.9	-29.4	-28.1	-26.0	-32.1
Tiền đầu kỳ	6.64	0.35	2.09	0.64	0.92	0.19
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.28**	**1.73**	**-1.44**	**0.27**	**-0.73**	**0.25**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.35	2.09	0.64	0.92	0.19	0.44

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,142**	**1,289**	**-11.4%**
Tài sản ngắn hạn	496	608	-18.5%
Tiền và tương đương tiền	0.44	0.92	-52.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	463	573	-19.2%
Hàng tồn kho	30.9	32.5	-4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.72	2.41	-28.6%
Tài sản dài hạn	**647**	**680**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	622	657	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**24.1**	**23.5**	**2.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	835	983	-15.0%
Nợ ngắn hạn	**835**	**983**	**-15.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	272	330	-17.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	548	633	-13.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**307**	**306**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**307**	**306**	**0.3%**
Vốn điều lệ	508	508	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)